

TÙY DUYÊN NHI BẤT BIẾN

Giảng tại chùa Việt Nam - Hoa Kỳ - 2000

Đến chùa Việt Nam lần này, nhìn thấy chùa khang trang, chúng tôi rất vui mừng. Người Việt Nam chúng ta đã xa quê hương đi nơi khác, mà biết chung lưng đấu cật để gầy dựng nền đạo pháp ở nước người được tốt đẹp, đó là điều rất đáng tán thán.

Đề tài tôi giảng hôm nay là Tùy duyên nhi bất biến, hoặc ngược lại Bất biến nhi tùy duyên.

Trên phương diện truyền bá chánh pháp, chư Tổ rất sáng suốt. Các ngài thấy được từng trình độ, từng tâm tư của mọi người, nên sự truyền bá của các ngài hết sức linh động. Nhìn theo chiều dài lịch sử của Phật giáo, chúng ta thấy trên hai mươi lăm thế kỷ qua, đạo Phật đã đi từ Ấn Độ dần dần sang đến Việt Nam. Nhìn theo chiều rộng không gian, Phật giáo đã truyền bá gần như khắp cả năm châu. Như vậy, trên phương diện truyền bá, đạo Phật có bị va chạm với những tập tục, tư tưởng, hoặc ý niệm khác nhau không? Nếu va chạm với những điều đó thì đạo Phật sẽ linh động như thế nào? Thiết nghĩ hàng tăng sĩ chúng ta cần phải biết và có bốn phận nói rõ cho quý Phật tử hiểu về những điều này. Nếu không thì chúng ta không hiểu gì về đạo Phật.

Trước hết tôi nói về sự truyền bá của đạo Phật. Đạo Phật khi truyền bá trên thế giới, không thể nào tránh khỏi những va chạm trên. Từ đó mà chúng ta phát hiện ra hoặc khuyết điểm, hoặc ưu điểm trên bước đường hoằng pháp các nhà truyền giáo.

Về khuyết điểm, từ khi đức Phật ra đời, truyền đạo, cho tới sau Phật nhập Niết-bàn một hai thế kỷ đầu, kinh điển được kết qua hai lần, đều đi thẳng vào đường lối chánh yếu của đức Phật dạy. Đức Phật luôn luôn nhắc mọi người đến với đạo Phật để thấy, chứ không phải đến để tin. Nhưng đáng buồn thay, ngày nay Phật tử đến với đạo Phật để tin, chứ không chịu đến để thấy. Đó là điều đáng buồn.

Phật là bậc giác ngộ viên mãn. Sự giác ngộ của Ngài là do tu hành mà được. Tự giác ngộ rồi, Ngài đem đạo giác ngộ ấy truyền bá cho mọi người, nên mới có đạo Phật. Như vậy nói đến đạo Phật là nói đến trí tuệ. Nếu là trí tuệ thì đến với đạo Phật để thấy, để hiểu, chứ không phải đến để tin. Nhưng ngày nay Phật tử lại quên điều đó, chỉ tin Phật, lạy Phật, cầu Phật ban cho đủ thứ hết.

Khi hỏi đến giáo lý Phật dạy, chúng ta không hiểu, chỉ biết rằng lạy Phật có phước. Như vậy thì rõ ràng chúng ta đến với đạo Phật bằng lòng tin. Nếu đến bằng lòng tin là đã ngược lại với đạo Phật rồi. Phật tử qui y Phật, là đệ tử Phật, đệ tử của bậc

giác ngộ; mà con cháu không giác chút nào hết. Thật là đáng buồn!

Chính vì đạo Phật là đạo trí tuệ, nên việc truyền bá đạo Phật trong thời đức Phật còn tại thế và sau khi Ngài nhập diệt rất dễ. Vì sao? Vì nhờ dùng trí tuệ cho nên từ đức Phật cho đến các vị Thánh đệ tử đều lấy giác ngộ làm đầu. Rồi cũng từ trí tuệ đức Phật nhìn thấy, biết rõ căn cơ của mọi người, nên Ngài giáo hóa rất thích hợp. Các vị đệ tử của Ngài cũng vậy, do chứng được A-la-hán nên biết được tâm tư nguyện vọng của người, đến đâu các ngài dạy cũng đúng, nên Phật pháp hưng thịnh. Chỉ có về sau này, người tu ít chứng đạo, không đủ phương tiện để giáo hóa chúng sanh, nên sự cao siêu của đạo Phật ít người thấy được. Vì thế đạo Phật cũng không được phổ cập trong mọi giới.

Như trong kinh Bát Đại Nhân Giác, tức Tám điều giác ngộ của bậc đại nhân, những câu đầu là:

Đệ nhất giác ngộ

Thế gian vô thường

Quốc độ nguy thùy

Tứ đại khổ không

Ngũ ấm vô ngã

Làm sao đầu óc trẻ hiểu nổi! Thế gian vô thường là sao? Lớp trẻ năm mười tuổi nghe nói những chuyện đầu đầu trên trời trên mây, như vậy chúng có chịu đi chùa không? Rồi người già, người dốt cũng không hiểu biết gì cả. Đó là khuyết điểm lớn của những vị mang trách nhiệm truyền giáo của đạo Phật. Mình truyền bá mà người ta không hiểu thì làm sao truyền được?

Đến thế kỷ thứ sáu, kinh Di-đà ra đời rất thích hợp với căn cơ của những tầng lớp trên. Vì tu Tịnh độ đơn giản, dễ tu. Chỉ cần chí tâm niệm Nam-mô A-di-đà Phật thì được Phật đón về Cực lạc, khỏi cần hiểu biết gì hết. Do đó người già trẻ con dễ hiểu dễ tu. Từ đó đạo Phật đến gần với mọi người dễ dàng. Nếu nói cao quá người ta không hiểu tới, mà ngay cả bản thân vị thầy cũng chưa giác ngộ, đâu biết trình độ của người mà chỉ dạy. Thế nên Phật pháp chỉ được giảng chung chung, đâu cũng không tới đâu. Nhưng dù sao, tinh thần Tịnh độ ra đời đã bổ khuyết lại được những điểm khó khăn của Phật giáo ở giai đoạn trước.

Đạo Phật không dạy chúng ta ban ân giáng họa cho ai, bởi vì đức Phật không bao giờ ban ân giáng họa. Thế nên Ngài đã dạy giáo lý nhân quả, chúng ta tạo nhân thế nào thì hưởng quả thế ấy. Người tạo nhân lành sẽ hưởng quả lành, tạo nhân ác sẽ chịu quả ác. Lành dữ đều do mình cả, chứ không ai

khác có thể thể được. Nhưng nghe như vậy, người học đạo thấy nhọc quá, phải chi Phật ban cho mình đỡ một chút.

Hơn nữa, về sau có những tôn giáo khác ra đời, chỉ dạy hết sức giản đơn: Nếu tin vào một Đấng tối cao thì Đấng tối cao ấy sẽ ban ơn cho; còn không tin thì bị giáng họa. Nghe thế những người quen yếu đuối, ỷ lại liền chạy theo để được bảo vệ yên ổn. Còn theo Phật, Phật bảo mình tự làm lấy, không cho gì hết nên không thích.

Để bỏ khuyết cho phần này, kinh Địa Tạng ra đời, ai lỗi thời thì rớt xuống địa ngục, bị cắt lưỡi bị thiêu đốt, bị vào vạc dầu sôi... Còn đến với Phật, làm lành lánh dữ thì sẽ được an nhàn, được sanh lên cõi trời hưởng quả vui thù thắng. Từ khi kinh Địa Tạng ra đời, nhiều chùa vẽ tranh Thập điện Diêm vương, hình ảnh thật là ghê rợn, ai thấy cũng rờn óc nên ráng tu, không lỗi thời được. Đó là đạo Phật tùy căn cơ chúng sanh mà có tinh thần răn đe như thế, nhằm giáo hóa họ trở về với chánh pháp. Như vậy đạo Phật mới có thể tồn tại được. Cho nên trên phương diện truyền bá, có những điểm cần phải linh động mới được.

Lại, đạo Phật không quan trọng về thần thông. Tại sao? Bởi vì đức Phật dạy chư Tăng tu, khi chúng quả A-la-hán, được Lục thông nhưng cấm không được tự ý dùng thần thông, trừ khi Phật cho phép. Nếu Phật nhập Niết-bàn rồi, thì phải xin phép những vị trưởng lão. Các vị này cho phép mới được dùng. Do đó ai tự tiện dùng thần thông xem như phạm giới cấm.

Một hôm, vua Ba-tư-nặc đến bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn, trong nước con có một vùng dân chúng thích thần thông mà không chịu nghe đạo lý. Xin Thế Tôn vận dụng thần thông khiến cho họ hoảng sợ mới có thể dạy họ được." Phật bảo: "Ta trọng đạo thông chứ không trọng thần thông." Thế là Ngài đem chánh pháp đúng lẽ thật chỉ cho mọi người ở đó, kết quả họ đều được Phật cảm hóa.

Chánh pháp dạy đúng lẽ thật là chân lý; mà chân lý là trí tuệ. Nên đức Phật chỉ chú trọng trí tuệ, chứ không chú trọng thần thông. Vì vậy những người thích thần thông, thích huyền bí, họ không muốn đi chùa, không muốn đến với đạo Phật. Mà thường ở thế gian, số người hiểu kỳ như vậy lại là phần nhiều. Như hiện giờ tôi đang giảng kinh một cách bình thường, chợt ngoài sân chùa có ai bay lên hư không, ngồi kiết-già thì chắc rằng nơi đây chẳng còn ai ngồi nghe tôi giảng nữa. Rõ ràng tâm con người thích những gì kỳ lạ, còn lẽ thật bình dị thì coi thường lắm.

Vì vậy, nếu đạo Phật không dùng tới thần thông, sẽ không làm sao đưa đạo Phật vào cuộc đời. Cho nên có những trường hợp đặc biệt, Phật chế cho

dùng thần thông, tuy nhiên Ngài luôn khuyến cáo thần thông không phải là mục đích cứu kính của người tu Phật. Do đó, sau này đến đời Tổ Long Thọ, phát sanh ra Mật tông nghiêng về trì chú, sử dụng thần thông huyền bí. Đó là để đáp ứng cho số người hiểu kỳ muốn đến với đạo Phật.

Hiện nay Phật giáo Việt Nam, cũng như Phật giáo ở các nơi có nhiều tông phái. Nguyên nhân có các tông phái là vì chư Tổ tùy căn cơ, tùy hoàn cảnh mà lập ra. Làm sao mọi người đến với đạo Phật đều không gặp trở ngại, đều có thể tu tập và đạt được lợi ích cả. Đó là điểm đặc biệt của đạo Phật. Điểm đặc biệt đó gọi là "Tùy duyên".

Kể đến, tôi nói về những ưu điểm của đạo Phật. Đạo Phật đặt nặng phần trí tuệ, người tu cần phải đạt được đạo, tức đạt được chân lý. Có trí tuệ mới thấy được lẽ thật, kẻ ngu si không thấy lẽ thật được. Như vậy trí tuệ là căn bản của đạo Phật. Nhờ có trí tuệ nên chúng ta nhận chân được lẽ thật, sống đúng với lẽ thật và truyền bá lẽ thật ấy. Do đó đạo Phật ngày càng lan rộng và trường tồn dài lâu. Hơn hai mươi lăm thế kỷ nhìn lại, kinh điển Phật được đối chiếu với nền văn minh hiện đại của con người, có lạc hậu không? Hoàn toàn không, mà ngược lại khoa học còn phải nỗ lực. Đó là điểm ưu thứ nhất của đạo Phật.

Đạo Phật tôn trọng tự do nên thích hợp với thời đại văn minh dân chủ này. Đạo Phật lúc nào cũng tôn trọng quyền tự do của mọi người. Đức Phật từng tuyên bố rằng Ngài là một vị Đạo sư. Đạo sư nghĩa là vị thầy dẫn đường cho mọi người. Ngài thấy đây là con đường ác nên tránh, kia là con đường thiện nên đi. Ngài chỉ rồi, mọi người tự đi, tự tránh, chứ Phật không đem ai lên đường thiện, cũng không xô ai vào đường ác. Như vậy có tự do không? Đó là tự do. Cho đến tất cả giới luật lẽ ra mang tính cách bắt buộc, nhưng Ngài lại bảo nếu vì điều kiện nào đó chúng ta chưa giữ được trọn vẹn, thì có thể giữ khiếm khuyết một hai giới cũng được. Chúng ta tự nguyện giữ, chứ Phật không bắt buộc, Ngài giải thích rõ giữ giới là vì lợi ích của mình, chứ không phải lợi ích của đức Phật. Ngài vì thương mà chế giới, chứ không phải vì sự ép buộc mà chế giới. Đó là tinh thần tự do triệt để của đạo Phật.

Gần hơn, đến ngày rằm hoặc ba mươi, Phật tử nào rảnh thì đi chùa sám hối; không rảnh thì ở nhà tự tu cũng được. Thầy Trụ trì không kiểm từng người, cũng không phạt ai hết. Đi thì tốt, không đi thì thôi, không bắt buộc. Bởi tu là tu cho mình, chứ không phải tu cho quý thầy. Phật tử đến thì quý thầy hướng dẫn, không đến thì thôi. Như vậy đạo Phật rất tự do.

Song cũng vì thế, nếu tinh thần tu của người Phật tử không cao sẽ dễ rơi vào tình trạng chênh mảng. Chùa có một ngàn đệ tử, mà sám hối chỉ có chừng một trăm người. Đó là tại chênh mảng. Tuy vậy,

nhà Phật vẫn tôn trọng quyền tự do của mỗi con người. Ai hiểu được, họ tự cố gắng phấn đấu tu tập để có sự lợi ích thiết thực cho bản thân. Đó là điểm ưu thứ hai của đạo Phật.

Đạo Phật chỉ dạy cho chúng ta hiểu biết, rồi chúng ta tự tu. Thế nên sự tự do của đạo Phật rất kỳ đặc, không phải đòi tự do với chính phủ hay với những người có quyền, mà là đòi tự do với chính mình. Mình phải làm chủ được mình. Làm chủ được mình mới có tự do; chưa làm chủ được mình thì không có tự do. Tại sao? Ví như người chưa làm chủ được mình, khi lâm cảnh nghèo nàn túng thiếu, thấy ai để rơi tiền của, liền lượm bỏ túi ngay. Khi đó nếu người ta phát giác thì bị trói, bị đánh hay vào khám. Vào khám tức là bị gông cùm xiềng xích rồi, đâu còn tự do nữa. Ngược lại, người làm chủ được mình, trong bụng vừa dấy niệm tham thì dẹp ngay, không để cho lòng tham lôi cuốn, như thế đâu có ngồi tù. Đó không phải tự do là gì?

Cho nên tự do trong đạo Phật là thắng được mình, đòi hỏi nơi mình chứ không đòi hỏi ở người khác. Tự do ấy mới nghe như dễ nhưng nghiệm lại thì khó. Nhưng đó là sự thật. Bởi con người cứ đòi hỏi bên ngoài phải thế này, thế nọ nhưng không bao giờ biết thỏa mãn. Như mấy đứa bé đòi cha mẹ nó đồ chơi, hễ được cái này thì đòi cái khác, cứ đòi hoài, cha mẹ không thể lo nổi.

Tại sao chúng ta đòi tự do nơi mình? Bởi vì nếu không làm chủ được mình thì mất đối với sắc, nhiễm sắc, tai đối với thanh, nhiễm thanh, mũi đối với hương, nhiễm hương, lưỡi đối với vị, nhiễm vị, thân đối với xúc, nhiễm xúc, chỗ nào cũng mắc kẹt. Đòi tự do mà mất tai mũi lưỡi thân đều bị dính nhiễm, bị trói buộc hết.

Muốn tự do, trước hết đừng cho năm căn dính với năm trần. Đối với năm trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, chúng ta làm chủ được, không dính, không kẹt, đó là tự do. Như vậy có hợp đạo lý không? Phật dạy người muốn tự do thì phải giữ năm căn đừng dính với năm trần. Đó là tự do tự tại. Ở một mức độ cao hơn nữa, tự do chính là giải thoát, không còn bị bất cứ gì trói buộc. Thế gian đòi tự do mà trái lại bị trói buộc đủ thứ hết, vì vậy càng tự do càng khổ.

Tiến thêm một bước nữa, người tu chẳng những đòi tự do ở năm căn, mà còn đòi tự do ở căn thứ sáu, đó là ý căn. Ý đừng dính với pháp trần. Pháp trần tức là bóng dáng của năm trần trước. Bởi vì năm căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân khi xúc chạm với năm trần sắc, thanh, hương, vị, xúc để biết, để thấy; còn ý căn khi xúc chạm với pháp trần, chúng ta khó thấy. Muốn thấy nó, khi ngồi thiền hoặc niệm Phật sẽ dễ thấy hơn.

Như ngồi niệm Phật lẽ ra chỉ nhớ câu niệm Phật thôi, nhưng niệm một lát bỗng nhớ chuyện đầu đầu.

Chuyện đầu đầu đó chính là pháp trần. Thí dụ như lỗ tai tiếp xúc với thanh trần, những tiếng hay mình thích nên nhớ hoài, bởi vì nó đã rớt vào trong tâm thức rồi. Hoặ những lời lẽ chửi bới nặng nề, mình không thích cũng nhớ hoài, vì nó cũng được in vào tâm thức. Những gì chúng ta thích hoặc không thích, thì ưa kể với người này, người kia, lặp tới lặp lui mãi nên vô tình học thuộc lòng, cho nên nhớ sâu vô cùng. Nhớ sâu trong tâm khảm tức là nó đã được huân vào tàng thức của mình, chôn sẵn trong đó, khi nào đủ duyên hoặc yên tịnh nó sẽ trôi lên. Đó là lý do tại sao chúng ta niệm Phật hoặc tọa thiền mà các tạp niệm cứ trôi lên hoài. Nhiều khi nó trôi lên đến nỗi mình phải bực bội. Bực bội mà rầy nó không được, mới thấy pháp trần rất là quan trọng.

Bởi sự tích lũy của pháp trần sâu đậm như vậy, nên mình thù ai, oán ai thì tới chết vẫn chưa hết oán thù. Vì vậy những thứ đó sẽ theo mình đến lúc nhắm mắt và sẽ gặp lại ở đời sau. Cho nên còn oán thù, còn thương yêu thì còn gặp lại mãi để đền trả. Ghê gớm như vậy đó. Người ta cứ sợ đời sau khổ, nhưng lại ôm ấp oán thù không nguôi. Thật là mâu thuẫn.

Biết như vậy rồi, chúng ta tu là xả bỏ hết những sự giận hờn hay thương yêu trong trói buộc. Mạng người sống không bao lâu, ôm ấp làm gì để đời sau khổ nữa. Vậy đó, mà có nhiều cô nhiều bà nói: "Tôi giận người đó suốt đời không quên." Có nhiều người còn dám thề không đội trời chung nữa chứ! Nếu không đội trời chung thì đi đâu, xuống địa ngục sao? Chúng ta rất tự mâu thuẫn mà không hay. Muốn một đường lại làm một ngã.

Chúng ta muốn đời này tự do, đời sau càng tự do hơn, thì trong tâm phải loại trừ tất cả những mầm mống xấu đang tích lũy trong đó. Nhà Phật gọi là loại bỏ hạt giống xấu hay chủng tử xấu. Dẹp bỏ được nó, là chúng ta dành được quyền tự do. Nếu không dẹp bỏ được, thì nó sẽ dẫn chúng ta đi trong các con đường tăm tối, không biết đến bao giờ mới cùng.

Nhà Phật nói tu là để giải thoát. Giải thoát tức gỡ bỏ những sự trói buộc. Gỡ bỏ được những trói buộc là tự do. Tự do đó mới thật là chân chánh tự do. Đó là sự tự do của đạo Phật.

Đạo Phật chủ trương "Từ bi bình đẳng" và "Nghiệp báo bình đẳng". Thế gian hiện giờ luôn ca tụng tự do, ca tụng bình đẳng nhưng thật sự họ lại mất tự do, mất bình đẳng. Còn đạo Phật dạy rằng từ bi là bình đẳng, nghiệp báo cũng là bình đẳng.

Về nghiệp báo, có nhiều tôn giáo cho rằng mình làm tội lỗi gì chỉ cần xin bẻ trên tha là hết. Nhưng đối với đạo Phật, điều đó không thể có. Dù là Phật tử hay không phải Phật tử khi làm ác, cũng phải

gánh chịu hậu quả như nhau; không có chuyện Phật tử thì được đức Phật bảo hộ. Tất cả đều bình đẳng trong việc trả quả. Đó là một lẽ thật. Bởi vì chúng ta tạo nghiệp ác tức là làm cho người khác khổ. Làm cho người khác khổ thì chúng ta phải đền bù lại, chớ không thể nào trốn được. Đã làm cho người khác khổ thì cái khổ đó chúng ta phải trả. Bất cứ người nào gây khổ cho kẻ khác cũng phải trả như nhau. Đó là bình đẳng trên nghiệp báo. Điều này có thích hợp với thời đại văn minh hiện nay không?

Thời đại văn minh này người ta thường đề xướng câu: "Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật." Dù cho người đó là quan hay dân, hễ phạm tội thì phải chịu tội như nhau. Hồi xưa khác, nếu con vua phạm tội thì không bị xử phạt. Ngày nay dân chủ, đòi hỏi mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Như vậy rất đúng với tinh thần của đạo Phật.

Đạo Phật nói "Từ bi bình đẳng", tức là sự thương yêu bình đẳng. Xét lại chúng ta xử sự với mọi người có được bình đẳng chưa? Đa số người tu thời nay đều phát tâm tu, nguyện giúp cho những người nghèo khổ, chớ những người giàu, người có quyền tước, chúng ta không cứu. Đó chưa phải là từ bi của đạo Phật. Đạo Phật chủ trương từ bi là thương tất cả, cứu tất cả, không chỉ riêng một cá nhân nào.

Từ bi đó căn cứ ở đâu mà được như vậy? Tôi xin hỏi quý vị, chúng ta mang thân này là thân chân thật hay tạm bợ? Mình có thương nó không? Tạm bợ mà rất thương. Thân này ai cũng biết nó tạm bợ, một ngày nào đó sẽ tan hoại. Biết thì biết nhưng vẫn quý thương nó, ai đụng tới là bất an liền. Bởi thật lòng chúng ta ngậm tưởng nó thật. Ngậm tưởng như thế là si mê.

Đạo Phật là đạo giác ngộ, nên còn một chúng sanh mê là Phật đều thương hết. Trong kinh A-hàm Phật nói: "Bị thiêu đốt trong địa ngục chưa phải là khổ, bị đói khát lang thang làm ngựa quỉ cũng chưa phải là khổ, bị kéo cày kéo xe, làm kiếp trâu ngựa cũng chưa phải là khổ, chỉ si mê không biết lối đi, đó mới là khổ." Đạo Phật cứu khổ là cứu cái si mê. Cho nên ai còn si mê Phật đều thương hết, dù người ấy giàu hay nghèo, quan quyền hay bình dân. Đó là tình thương bình đẳng.

Nói tới truyền bá đạo Phật là nói tới giác ngộ, nói tới trí tuệ để đánh tan gốc si mê nơi mọi người. Cho nên kinh Pháp Cú dạy: "Các người phải tự thấp xuống mà đi, thấp xuống với chánh pháp." Thấp xuống chính là thấp sáng trí tuệ. Chúng ta phải mở sáng con mắt trí tuệ của mình, nếu tự mở chưa được thì phải mời với ngọn đuốc chánh pháp. Hết si mê mới hết đau khổ, còn si mê là còn đau khổ. Do đó nói đạo Phật từ bi bình đẳng. Qua đó đủ thấy đạo Phật siêu vượt hơn thế gian rồi. Đây là điểm ưu thứ ba của đạo Phật.

Nói đạo Phật tùy duyên bất biến, tức là tùy theo duyên, theo trình độ căn cơ của chúng sanh mà chỉ dạy, không hạn chế ở bậc này hay bậc khác, cũng không hạn chế nơi chốn nào. Thế nào là tùy duyên, thế nào là bất biến, chúng ta cần hiểu cho rõ chỗ này. Tùy duyên tức là linh động, làm sao khế hợp với trình độ căn cơ của mỗi người mà giáo hóa. Bất biến tức là mục tiêu chủ yếu không bao giờ lệch, không bao giờ sai. Tùy duyên bất biến nghĩa là tùy theo căn cơ của mỗi người mỗi nơi, mà ta có các phương tiện giáo hóa khác nhau, nhưng luôn luôn giữ đúng mục tiêu giữ đúng chánh pháp, không để sai lệch.

Như người tu Tịnh độ, niệm hoài câu Nam-mô A-di-đà Phật, không cần suy nghĩ gì khác. Niệm tới nhất tâm bất loạn, từ một ngày hai ngày cho tới bảy ngày. Được thế, khi lâm chung Phật và Thánh chúng mới hiện ra, đón về Cực lạc. Mục đích cuối cùng của pháp tu Tịnh độ là niệm Phật tới chỗ nhất tâm bất loạn. Niệm đến vô niệm.

Người tu Mật tông thì trì thần chú. Đọc một câu thần chú phải tin sự mầu nhiệm của câu thần chú đó. Hành giả ngồi kiết-già, tay bắt ấn, miệng tụng chú, ý duyên theo câu chú không cho nghĩ gì hết. Thí dụ câu Án ma-ni bát-di hồng, không có nghĩa gì hết, cốt cho tâm không còn chỗ gá nương. Niệm hoài cho tới khi nào ba nghiệp thân khẩu ý đều mật, gọi là tam mật, tức ba nghiệp ấy thắm hợp với nhau thì đức Đại Nhật Như Lai sẽ hiện ra, phóng quang xoa đánh và thọ ký cho người ấy. Như vậy dù tu Tịnh độ hay tu Mật tông, tâm đều phải chuyên nhất, không còn một niệm nào khác thì mới đạt được kết quả mong muốn. Đó là nói về tu Tịnh và tu Mật.

Đến người tu Thiền. Tu thiền theo Nguyên thủy, kinh Đại Tứ Niệm Xứ dạy rằng: "Người tu thiền, quán Tứ niệm xứ từ một ngày, hai ngày cho tới bảy ngày không dời đổi, sẽ chứng từ Tam quả cho tới Tứ quả A-la-hán." Quán Tứ niệm xứ từ một ngày đến bảy ngày không dời đổi sẽ chứng quả A-la-hán, như vậy đâu có khác với niệm Phật tới nhất tâm bất loạn, hay trì chú tới tam mật.

Đến Thiền tông, như Tổ Đạo Tín thứ tư của Trung Hoa lúc còn Sa-di, Ngài gặp Tổ Tăng Xán đánh lễ và thưa: "Xin Hòa thượng dạy cho con pháp môn giải thoát." Tổ Tăng Xán nhìn thẳng vô mặt ngài Đạo Tín, hỏi: "Ai trói buộc người?" Ngài liền nhìn lại thấy không ai trói buộc mình, liền thưa: "Bạch Hòa thượng, không ai trói buộc con." Tổ bảo: "Vạy cầu giải thoát làm gì?" Ngay đó ngài Đạo Tín ngộ đạo.

Câu "cầu giải thoát làm gì", có giáo lý trong đó không? Không có gì hết. Tổ chỉ muốn đánh thức kẻ cầu đạo đừng chạy theo những niệm nghĩ tưởng thô. Lắng dừng được những niệm tưởng đó rồi là yên tĩnh, là giải thoát.

Thiền sư Hương Nghiêm Trí Nhàn, một học trò thông minh của ngài Qui Sơn, hỏi một đáp mườì. Tổ Qui Sơn gọi lên bảo: "Ông rất thông minh, vậy thử nói cho ta nghe một câu trước khi cha mẹ chưa sanh ra xem." Ngài Trí Nhàn bí luôn, không biết nói gì, nên cuốn gói lên núi ở. Cho tới một hôm, nhân cuộc đất nghe tiếng hòn sỏi chạm vào bụi tre một tiếng "cốc", ngay đó liền ngộ đạo.

"Nói một câu trước khi cha mẹ chưa sanh" giống câu thần chú, ở đó không cho mình nghĩ gì hết. Những câu khác như "ba chân gai" của ngài Động Sơn hay "tiếng vỗ của một bàn tay" của Thiền sư Bạch Ẩn, đại loại đều như thế cả. Tại sao các ngài lại nói kỳ quái như vậy? Bởi vì chúng ta tu theo đạo Phật, muốn đến chỗ cứu kính chân thật, thì phải dẹp hết mọi suy lý, mọi nghĩ tưởng. Như câu thoại đầu "Trước khi cha mẹ chưa sanh, ta là gì?" Cứ đọc đi đọc lại câu đó hoài cho tới thành khối. Thành khối rồi bỗng lúc nào đó nó bung ra thì hành giả ngộ đạo. Đó là một cách dồn mình đi tới chỗ bật hết những nghĩ suy. Điểm đặc biệt nữa trong nhà thiền là khi được hỏi, nếu chúng ta đáp một câu có ý nghĩa, tức có thể suy gẫm được, thì câu đó gọi là "tử ngữ" tức câu chết. Nếu đáp một câu không thể suy luận được, thì câu đó gọi là "hoạt ngữ" tức câu sống. Nên các câu "tiếng vỗ của một bàn tay" hay "ba chân gai" là những câu sống, rất được nhà thiền quý trọng. Vì nó khiến cho hành giả bật hết các nghĩ tưởng, tâm thanh tịnh, chừng ấy mới có thể nhận ra được cái chân thật hằng hữu nơi mình.

Ở đây, tôi đặt thêm một vấn đề nữa. Ngay nơi thân tứ đại của chúng ta có cái chân thật không? Thân này là hư giả phải bại hoại, không nghi ngờ. Tâm phân biệt suy nghĩ được mất, tốt xấu cũng vô thường không thật. Điều này chúng ta đã biết rồi. Thế nhưng trong kinh Pháp Hoa nói chúng ta có sẵn hòn ngọc nhưng lại bỏ quên. Vậy cái gì là hòn ngọc của mình? Thân này bại hoại không phải là hòn ngọc.

Tâm lăng xăng cũng không phải hòn ngọc luôn. Vậy cái gì là hòn ngọc?

Chính chỗ này là chỗ niệm tới vô niệm của người tu Tịnh độ. Phật Di-đà hiện chính là hòn ngọc hiện. Nghĩa là Phật tánh sẵn có của mình bất sanh bất diệt hằng sáng suốt, vì Phật Di-đà là Vô lượng thọ, Vô lượng quang tức tuổi thọ vô lượng, ánh sáng vô lượng. Tánh mình là sáng, tánh mình là bất sanh bất diệt. Đó chính là hòn ngọc của mình. Ai cũng có hòn ngọc đó hết, chớ không riêng người nào. Đức Phật đã tuyên bố: "Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành", ai cũng sẵn có tánh Phật, chỉ khác nhau ở chỗ người quên kẻ nhớ thôi.

Ngày nay chúng ta tu, nhìn lại tất cả đều bám vào hai phần thân tạm bợ và tâm tạm bợ cho là mình, cứ thế mà điên đảo. Phật thương nên dạy chúng ta

làm sao đừng chấp về hai thứ này nữa, thì sẽ được giải thoát sanh tử. Niệm Phật đến nhất tâm bất loạn là không còn cái "tôi" nữa. Tu thiền tới chỗ không còn một niệm, đó chính là chỗ chân thật không sanh không diệt.

Chúng ta nhớ Lục tổ Huệ Năng khi được truyền y bát, Ngài trở về phương Nam. Trên đường có nhiều người đuổi theo giành lại. Trong số đó có Thượng tọa Minh chạy giỏi nên đuổi kịp. Thấy thế, Tổ Huệ Năng để y bát trên bàn thạch rồi chui vô lùm ấu. Thượng tọa Minh đến thấy y bát, mừng rỡ ôm lên nhưng ôm không nổi. Ông ngạc nhiên vì cứ ngỡ đó là vật thường, nhưng bây giờ mới biết đó là vật linh thiêng phi thường nên không dám giành lấy nữa. Ông liền kêu: "Hành giả, hành giả! Tôi tới đây vì pháp, chớ không phải vì y bát." Ngài Huệ Năng ở trong bụi chui ra, bảo: "Nếu ông cầu pháp thì hãy lặng yên một lát, ta sẽ nói cho." Huệ Minh liền đứng yên lặng. Câu nói pháp đầu tiên của Tổ Huệ Năng là: "Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là Bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?" Ngay câu đó Thượng tọa Minh liền ngộ đạo.

Nghĩ thiện, nghĩ ác là tâm sanh diệt. Nếu hai thứ đó không còn thì cái thật của chính mình hiện ra. Điều đó quá rõ ràng. Vì vậy các Thiền sư thường nói cho chúng ta không còn nghĩ gì được. Không nghĩ gì được thì tâm sẽ lặng. Tâm lặng, cái chân thật mới hiện ra. Các ngài chỉ thẳng chỗ chân thật đó mà mình lại không biết, bảo các ngài nói nghe điếc lỗ tai. Cho nên những câu nói trong nhà thiền thường là những câu phi nghĩa. Đó là những câu sống, bởi nó làm cho mình bật dứt tâm lăng xăng. Hiểu vậy mới thấy giá trị của đạo Phật.

Nhiều Phật tử cho rằng nghĩ ác mới có tội chớ nghĩ thiện đâu có tội. Bước đầu tu thì như vậy. Nghĩ ác sẽ đọa vào ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nghĩ thiện được đi trong ba đường lành trời, người, a-tu-la. Như vậy vẫn còn luân hồi, bởi còn đi trong các đường, còn lên còn xuống mãi. Được lên trời sống lâu, hưởng phước nhiều, nhưng hết phước cũng tuột xuống như thường, chưa phải là giải thoát.

Chỉ khi nào niệm thiện, niệm ác hay nói chung là những niệm đối đãi đều lặng hết thì chừng đó tâm chân thật bất sanh bất diệt mới hiển bày. Tâm đó mới không dẫn chúng ta đi trong các đường, chừng đó mới giải thoát sanh tử. Nói như vậy, quý vị không biết cái chân thật ấy ở đâu, hiện giờ nó có không, ra sao? Tôi sẽ nói hết sức đơn giản, nếu quý vị lắng lòng có thể nhận biết.

Khi nào chúng ta ngồi chơi yên tĩnh, không có niệm nào trong đầu hết. Lúc đó chim kêu, gió thổi, người đi qua lại mình có biết không? Biết. Cái biết đó có động, có thuộc về nghĩ suy không? Không. Cho nên nhà Phật mới chia cái biết ra làm hai loại: Cái biết

chân thật gọi là Chân tâm và cái biết sanh diệt gọi là vọng tâm. Thường ngày chúng ta cứ bám lấy vọng tâm cho là mình, nên quên mất Chân tâm. Bây giờ thử nhớ lại những phút giây không suy nghĩ, chúng ta vẫn hiện tiền, có thiếu đâu. Vậy mà cứ cho nghĩ phải, nghĩ quấy, nghĩ hơn, nghĩ thua là mình rồi chạy theo nó nên điên đảo. Chỉ cần lặng hết những thứ này thì Chân tâm hiện tiền, khỏi cầu xin ở đâu hết. Đó là hòn ngọc sẵn có của mình. Chỉ tại chúng ta không biết, không dùng, cứ chạy theo cái tạm bợ, cái giả dối nên khổ.

Có thân nào còn hoài không chết đâu, vậy mà ta vẫn thương nó. Lo ăn cho ngon, mặc cho đẹp, cuối cùng nó rã rời rồi kêu khổ. Si mê như vậy nên mất cái giả này lại tìm cái giả khác, rồi giữ nữa. Thật có đáng thương không?

Nhìn lại, thế gian được mấy người không si mê? Khó tìm được người không si mê, cho nên Phật nói cả thế gian đều đáng thương xót. Biết thế rồi, chúng ta có còn ghét ai, giận ai nữa không? Dù họ nói bậy gì mình cũng thương, vì họ si mê không biết mà thôi. Nếu người nói bậy mà mình cãi lại với họ thì mình cũng si mê luôn. Một đám si mê với nhau, có ai hơn ai. Cho nên người biết tu là người tỉnh trong đám mê. Những gì vô nghĩa, không đem lại lợi ích cho mình thì không quan tâm. Phải hướng về cái chân thật của chính mình, đó mới là điều chánh yếu. Tu như vậy mới thật là tu, thật cầu giải thoát sanh tử.

Tóm lại, chúng ta đã nắm vững ý nghĩa tu hành rồi, dù tu theo pháp môn nào cũng phải biết dừng bỏ các thứ thân tâm hư dối, nhận lại cái chân thật sẵn có nơi mình. Đó chính là chỗ tùy duyên mà bất biến của đạo Phật vậy.